

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HS-ST

Ngày: 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đăng Hùng

Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST - HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 14/11/2018 đối với bị cáo:

Nông Phúc Q. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 27/11/1993 tại B, Bắc Kạn

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Phúc C và bà Đinh Thị N; vợ con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01: Ngày 06/10/2017 bị Công an huyện B xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/9 đến ngày 07/10/2018 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn “tạm giam”, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Bà Nông Thị P, sinh năm 1936. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 05/3/2018 Nông Phúc Q đến quán bà Nông Thị P, sinh năm 1936 trú cùng thôn N, xã V, huyện B chơi. Đến khoảng 17 giờ bà P xuống bếp làm cơm, lúc này Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà P, Q lên vào buồng ngủ của bà P, ngồi xuống giường, lật góc đệm ở đầu giường lên để tìm tài sản, Q thấy có 02 chiếc chìa khóa được móc với nhau bằng một vòng kim loại, Q cầm lấy và thấy 01 hòm gỗ kê sát ở đầu giường, được khóa cẩn thận, Q lấy chìa mở khóa hòm ra thấy 01 túi vải kẻ ca rô màu xanh, Q mở chiếc túi ra thì thấy có 01 hộp kim loại màu tím, hình chữ nhật, Q mở tiếp hộp ra thấy bên trong có một tệp tiền có nhiều mệnh giá khác nhau, Q lấy tệp tiền này cho vào túi quần đang mặc bên trái, tiếp tục lục tìm trong hòm thì thấy 01 hộp nhựa tròn màu đỏ, Q lắc thấy có tiếng kêu ngửi bên trong có vàng nên lấy dứt vào túi quần đang mặc bên phải, sau đó Q đóng nắp hòm rồi móc chiếc khóa lại, nhưng không khóa, rồi rút chìa khóa ra để vào vị trí cũ, rồi lên đi ra phía bên ngoài thì gặp bà P đi từ bếp ra, Q có bảo với bà P cho nợ 01 bao thuốc lá để tránh bị bà P nghi ngờ, rồi Q đi bộ về nhà. Khi về đến nhà Q lấy số tiền vừa trộm của bà P ra đếm được 2.400.000 đồng, gồm các mệnh giá 200.000đ và 50.000đ; Q mở hộp nhựa màu đỏ ra xem thấy có 03 gói vàng cám được gói bằng giấy vỏ bao thuốc lá du lịch màu trắng, đỏ rồi Q thay quần áo cho số vàng vào túi quần rồi đi nhờ xe ra thị trấn P. Khi đến thị trấn P, Q đem 03 gói vàng vào Cửa hàng vàng bạc Đ tại ngã ba P bán được số tiền 9.300.000 đồng rồi Q đi vào cửa hàng Thế giới di động ở đối diện đó mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA37 với số tiền 3.290.000đ rồi bắt xe khách xuống thành phố T, đến sáng ngày 06/3/2018, Q bắt xe khách đi tỉnh Lâm Đồng. Toàn bộ số tiền lấy trộm được của bà P cùng số tiền bán vàng, Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS-BT ngày 11/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Phúc Q về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS;

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Phúc Q từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bà Nông Thị P: 01 túi nải bằng vải màu xanh kẻ ca rô đã qua sử dụng; 01 hộp kim loại hình chữ nhật màu tím; 01 ổ khóa và 02 chìa khóa nhãn hiệu việt tiếp.

Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí do đó miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm hình sự, dân sự, xử lý vật chứng bị cáo thi hành theo quy định. Bị cáo xin được miễn toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa bị hại là bà Nông Thị P yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tài sản bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 05/3/2018 tại nhà của bà Nông Thị P, thuộc thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bị cáo Nông Phúc Q đã lén vào buồng ngủ của bà P lấy trộm số tiền 2.400.000 đồng và 03 gói vàng kém sau đó đem bán được số tiền 9.300.000 đồng. Toàn bộ số tiền Q trộm được cùng số tiền do bán vàng, Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Nông Phúc Q có nhân thân xấu: Năm 2012 bị Chủ tịch UBND huyện B quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Năm 2017 bị Công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16 và ngày 19 tháng 10 năm 2018 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “thành khẩn khai báo” quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* quá trình điều tra bị hại là bà Nông Thị P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 6.000.000đ và số vàng bị mất là 15,25 chỉ nhân với giá vàng kém tại thời điểm bị mất trộm (ngày 05/3/2018) là 3.300.000đ. Tổng số tiền bà P yêu cầu Q phải bồi thường là 56.325.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Q và bà P thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, cụ thể: Bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường cho bà P tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về việc bồi thường.

[5]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 47/BLHS 2015; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai bán số vàng cám trộm cắp được cho Doanh nghiệp TN vàng bạc Đ tại phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên do ngày 05/3/2018 là ngày hội P nên có nhiều người đến trao đổi, mua bán vàng với doanh nghiệp trong đó có cả vàng cám và Doanh nghiệp TN vàng bạc Đ không xác định được có được mua vàng cám của bị cáo Q hay không và người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp cũng khẳng định không quen biết bị cáo Q nên không có cơ sở thu giữ số vàng cám mà bị cáo Q khai đã bán cho doanh nghiệp.

- Trả lại cho bà Nông Thị P: 01 túi nải bằng vải màu xanh kẻ ca rô đã qua sử dụng; 01 hộp kim loại hình chữ nhật màu tím; 01 ổ khóa và 02 chìa khóa nhãn hiệu Việt Tiệp.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo làm ruộng, nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo nên không áp dụng đối với bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Q thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nông Phúc Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Phúc Q 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2018.

*Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLDS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về việc bồi thường thiệt hại tài sản, cụ thể: Bị cáo Nông Phúc Q có trách nhiệm bồi thường cho bà Nông Thị P, sinh năm 1936, trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS

* *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bà Nông Thị P: 01 túi nải bằng vải màu xanh kẻ ca rô đã qua sử dụng; 01 hộp kim loại hình chữ nhật màu tím; 01 ổ khóa và 02 chìa khóa nhãn hiệu Việt Tiệp.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

** Về án phí:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Nông Phúc Q được miễn nộp toàn bộ án phí của vụ án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 1
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy